Tập đoàn Vingroup - CTCP (HSX: VIC)

FireAnt

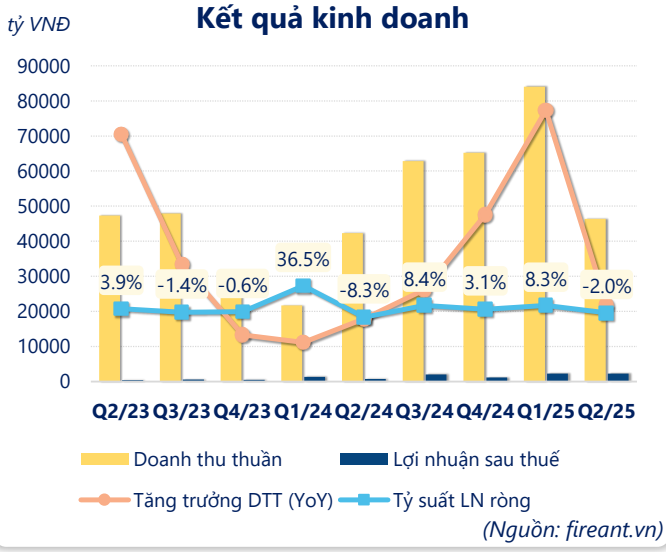
Ngày 30/06/2025	95,600 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-2.5%	64.8%	135.2%

ROE (Q2/25): 8.3% | +/- YoY ▲ 5.9%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	46,422 tỷ VNĐ	▼ 37,631 ▼ 44.8%	▲ 4,095 ▲ 9.7%
LN gộp	3,415 tỷ VNĐ	▼ 15,790 ▼ 82.2%	▼ 3,580 ▼ 51.2%
LN thuần	- tỷ VNĐ	▼ 19,321 ▼ 375%	▼ 16,350 ▼ 748%
LN sau thuế	2,297 tỷ VNĐ	▲ 54.0 ▲ 2.4%	▲ 1,578 ▲ 219%

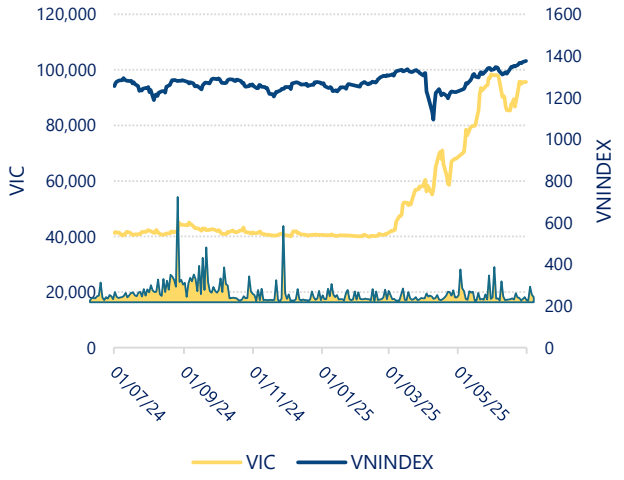
	6T 2025	YoY
DT thuần	130,476 tỷ VNĐ	▲ 66,410 ▲ 104%
LN gộp	22,620 tỷ VNĐ	▲ 17,581 ▲ 349%
LN thuần	-9,006 tỷ VNĐ	▼ 14,131 ▼ 276%
LN sau thuế	4,540 tỷ VNĐ	▲ 2,486 ▲ 121%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

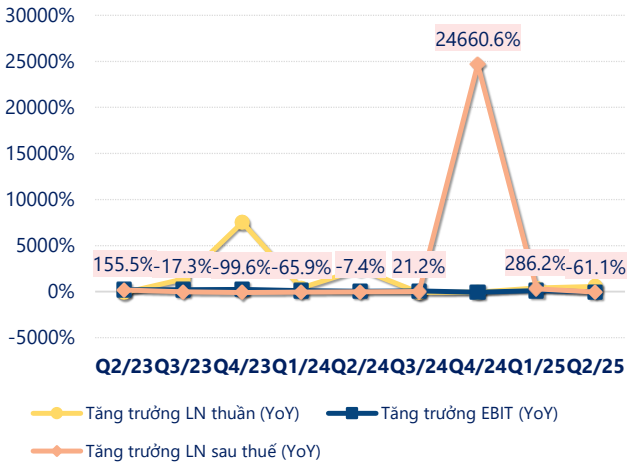
Lịch sử giá



Tập đoàn Vingroup - CTCP (HSX: VIC)

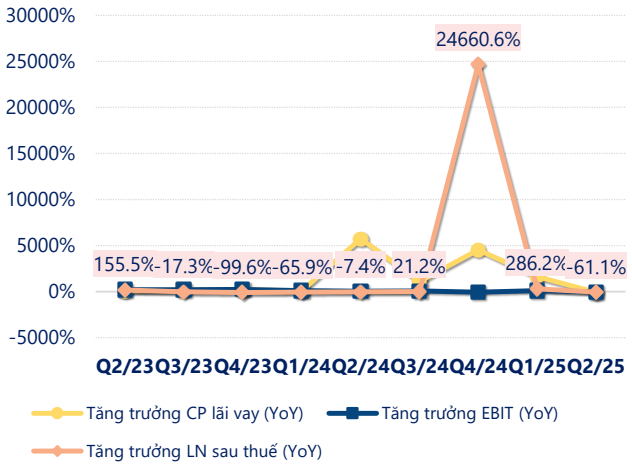
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



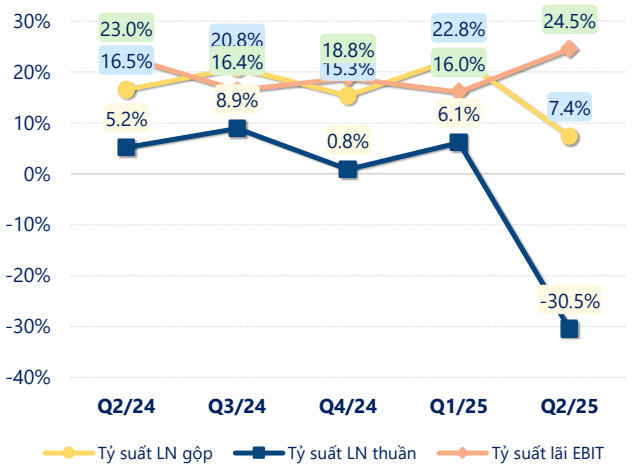
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



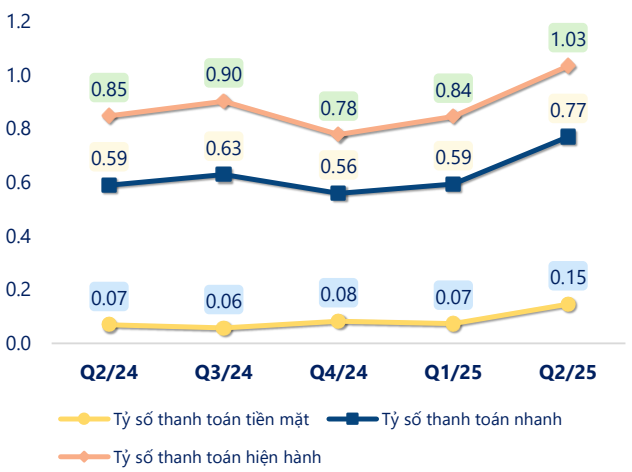
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



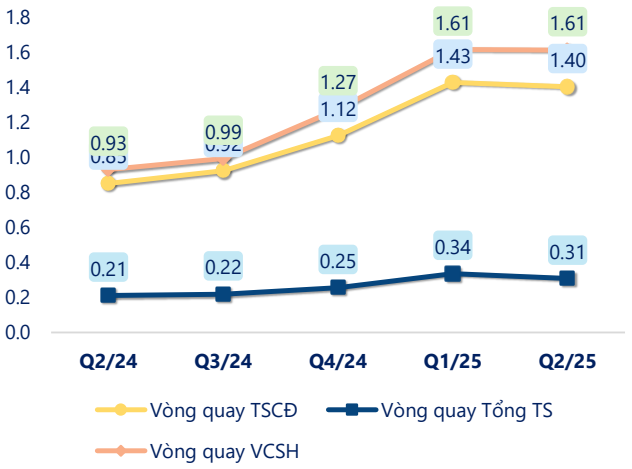
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



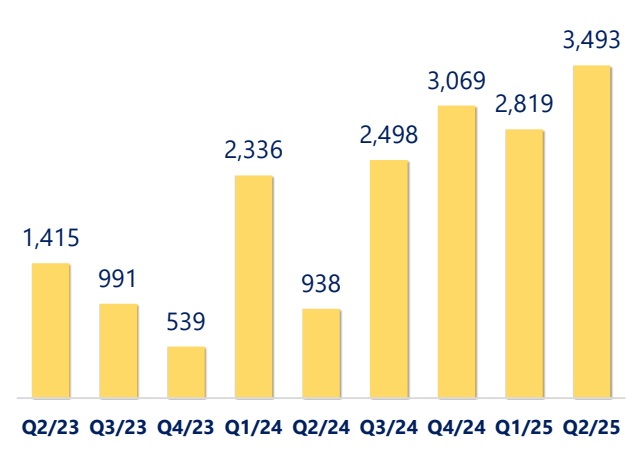
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

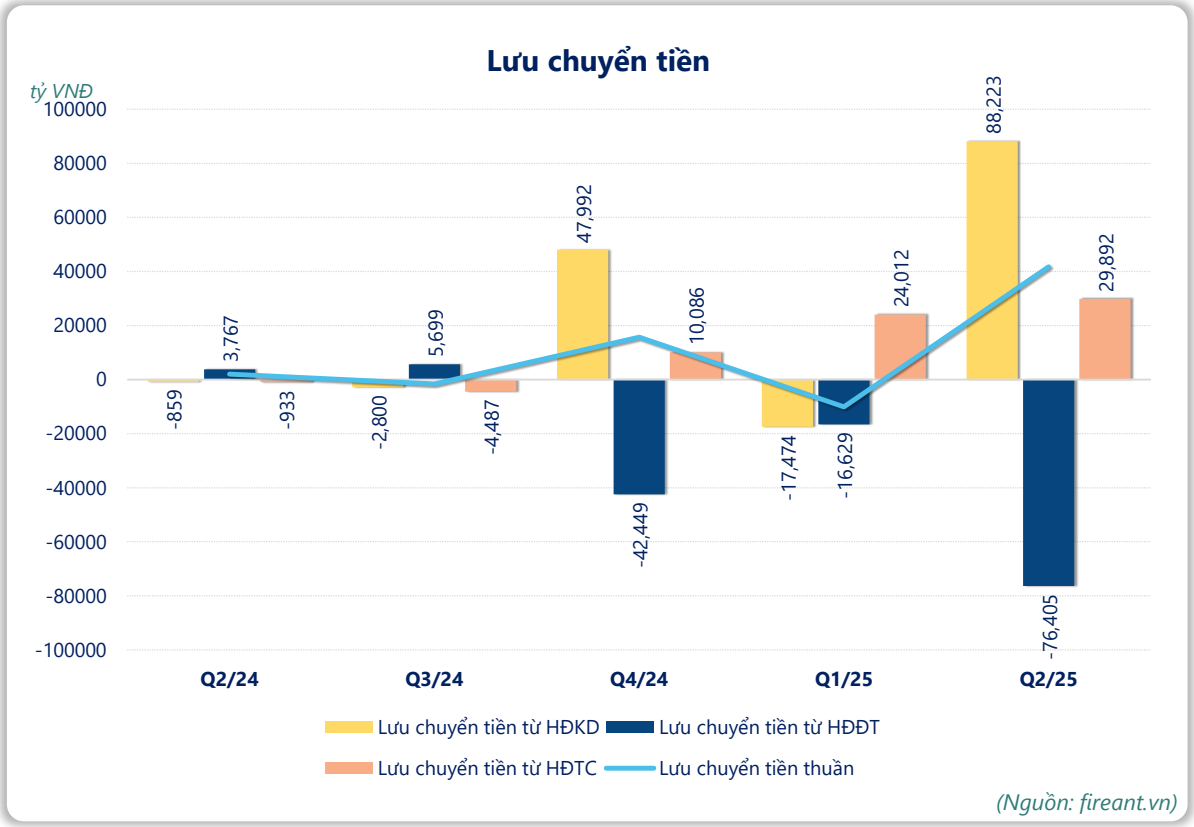


(Nguồn: fireant.vn)

Tập đoàn Vingroup - CTCP (HSX: VIC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**46,422**	**42,327**	**9.7%**	**130,476**	**64,066**	**104%**
Giá vốn hàng bán	43,007	35,333	21.7%	107,855	59,026	82.7%
Lợi nhuận gộp	3,415	6,995	-51.2%	22,620	5,039	349%
Doanh thu HĐTC	2,507	10,300	-75.7%	6,389	29,241	-78.2%
Chi phí TC	11,617	8,613	34.9%	19,521	15,890	22.8%
Chi phí lãi vay	7,614	5,622	35.4%	13,717	10,452	31.2%
LN trong công ty LKLD	**85.6**	**484**	**-82.3%**	**311**	**469**	**-33.7%**
Chi phí bán hàng	5,436	3,638	49.4%	10,120	6,959	45.4%
Chi phí QLDN	**3,118**	**3,340**	**-6.6%**	**8,685**	**6,776**	**28.2%**
LN thuần từ HĐKD	-14,163	2,187	-748%	-9,006	5,125	-276%
Lợi nhuận khác	**17,940**	**1,905**	**842%**	**20,164**	**1,462**	**1279%**
LN trước thuế	3,777	4,093	-7.7%	11,159	6,586	69.4%
Lợi nhuận sau thuế	**2,297**	**719**	**219%**	**4,540**	**2,054**	**121%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-941**	**-3,519**	**73.3%**	**6,038**	**4,416**	**36.7%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)